

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20191
Lớp KTDN K10 Mã lớp học 27,137 Thực hành

Môn học: KMH22 Quản trị doanh nghiệp

Giáo viên: Bình Thị Hồng Lan

Số đơn vị học trình: 1

Thời gian TH: Từ.....đến.....

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD181473	Đinh Tú Anh	09/10/2000	9,0		<u>Anh</u>	
2	CD170588	Đỗ Thị Quỳnh Anh	03/03/1999			<u>Anh</u>	
3	CD180536	Nguyễn Mai Anh	29/12/2000	9,0		<u>Anh</u>	
4	CD162829	Phạm Ngọc Anh	24/02/1998			<u>Anh</u>	
5	CD181239	Phạm Ngọc Anh	23/03/2000	9,0		<u>Anh</u>	
6	CD181214	Phạm Thị Lan Anh	11/10/2000	9,0		<u>Anh</u>	
7	CD180895	Trần Tâm Anh	06/05/2000	9,0		<u>Anh</u>	
8	CD180992	Phạm Thị Kim Cúc	28/03/2000	9,5		<u>Cúc</u>	
9	CD182649	Trương Thị Quỳnh Diễm	19/05/2000	9,5		<u>Diễm</u>	
10	CD171364	Hà Tiến Dũng	27/09/1998	9,0		<u>Dũng</u>	
11	CD180635	Nguyễn Thu Hà	30/04/2000	8,5		<u>Hà</u>	
12	CD181071	Nguyễn Thị Thanh Hải	15/07/2000	9,5		<u>Hải</u>	
13	CD181738	Dương Thúy Hân	13/08/2000	9,0		<u>Hân</u>	
14	CD182654	Nguyễn Thị Thu Hằng	28/08/2000			<u>Hằng</u>	
15	CD180520	Nguyễn Thị Hạnh	02/02/2000	9,0		<u>Hạnh</u>	
16	CD181684	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/09/2000	9,0		<u>Hạnh</u>	
17	CD182283	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/08/2000	9,0		<u>Hiền</u>	
18	CD182893	Nguyễn Thị Hiếu	29/07/2000	9,5		<u>Hiếu</u>	
19	CD180847	Hồ Ánh Hồng	11/01/2000	9,0		<u>Hồng</u>	
20	CD182655	Phan Thị Mai Hương	01/03/2000	9,0		<u>Hương</u>	
21	CD182263	Ngô Thị Thảo Huyền	17/12/2000	8,5		<u>Huyền</u>	
22	CD181937	Đỗ Thị Thanh Huyền	17/10/1995	9,5		<u>Huyền</u>	
23	CD180794	Lê Thanh Huyền	20/10/2000	9,0		<u>Huyền</u>	
24	CD182647	Lê Thị Huyền	18/02/2000	9,5		<u>Huyền</u>	
25	CD181285	Vũ Thu Khuyên	19/11/2000	9,0		<u>Khuyên</u>	
26	CD183013	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	09/03/1998	9,0		<u>Mai</u>	
27	CD180224	Vương Hiền Minh	17/10/2000	9,0		<u>Minh</u>	
28	CD182974	Bùi Thị Nga	12/09/2000	9,0		<u>Nga</u>	
29	CD180141	Lê Bảo Ngọc	25/01/1997	9,0		<u>Ngọc</u>	
30	CD180108	Trần Thị Bích Ngọc	04/11/1999	9,5		<u>Ngọc</u>	
31	CD182544	Nguyễn Thị Nguyệt	15/02/2000	9,0		<u>Nguyệt</u>	
32	CD180396	Vũ Văn Phương	08/05/2000	9,0		<u>Phương</u>	
33	CD181295	Nguyễn Thị Phương	28/01/2000	9,0		<u>Phương</u>	
34	CD182508	Nguyễn Thị Huệ Quyên	13/06/2000	9,5		<u>Quyên</u>	
35	CD180052	Đinh Thị Quỳnh	07/06/1997	9,5		<u>Quỳnh</u>	

Nguyễn Tung Lâm
Hậu Thị Nhung

1/2

9,0
9,0

Lâm
Nhung

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD182030	Trần Thị Quỳnh	24/12/2000	9,0		Quỳnh	
37	CD182498	Nguyễn Thu Thảo	14/01/1999	9,0		Thảo	
38	CD180192	Phạm Thị Phương Thảo	25/01/1999	9,0		Thảo	
39	CD182077	Trần Minh Thư	04/06/2000	9,0		Thư	
40	CD183176	Nguyễn Thị Thủy	17/02/1997	9,5		Thủy	
41	CD182900	Cao Thị Thu Thủy	28/02/1997	9,5		Thủy	
42	CD182318	Trần Thu Trà	11/09/2000	9,0		Trà	
43	CD182222	Nguyễn Thị Trâm	08/05/2000				
44	CD182861	Phạm Thị Mỹ Trinh	20/08/2000				
45	CD182830	Nguyễn Tường Vi	28/05/2000	9,0		Tường Vi	
46	CD181880	Hoàng Thị Hải Yến	22/12/2000	9,0		Yến	

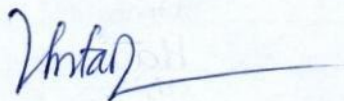
Tổng số SV tham gia thực hành.....48.....

Số sinh viên đạt:.....43.....

Ngày giáo viên nộp điểm:.....

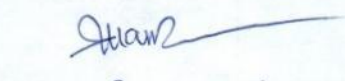
Hạn cuối nộp điểm:.....

PHÒNG ĐÀO TẠO



Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI


Bành Thị Hồng Lan

TRƯỞNG KHOA



CHỦ NHIỆM KHOA
ThS. Hoàng Văn Lung